

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 03 - 07/03/2025

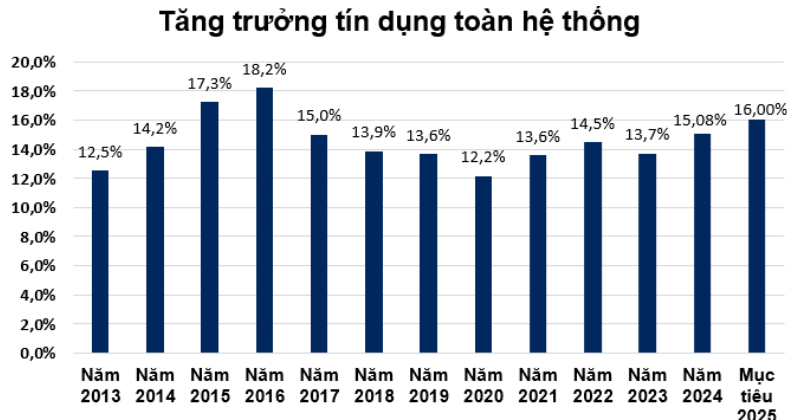


1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua

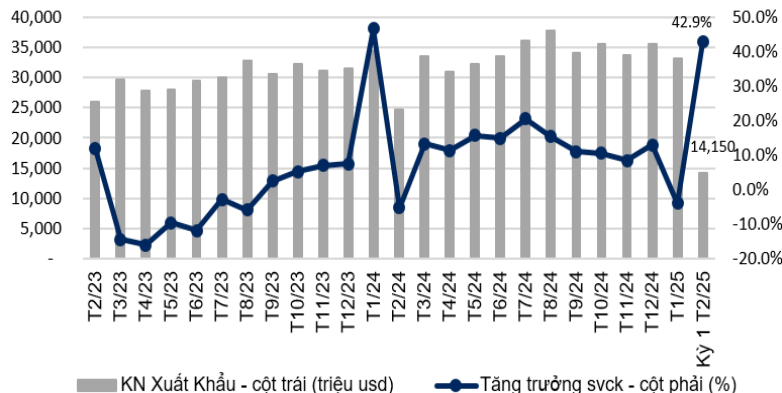


Việt Nam: Tăng trưởng tín dụng năm 2025 có khởi đầu tốt, xuất nhập khẩu tăng trưởng trở lại

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống



Số liệu xuất khẩu của VN

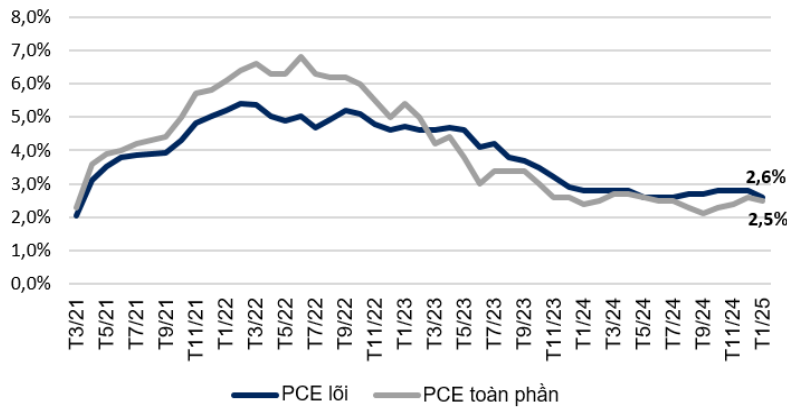


- Tính đến 18/02/2025, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt 15,62 triệu tỷ đồng, tăng 0,02% so với tháng 12/2024, tăng 16,35% so với cùng kỳ.
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam tính từ đầu năm 2025 đến ngày 15/02/2025 đạt 94,78 tỷ usd tăng 11,5% so với vsck.
- Theo số liệu từ NHNN, tính đến 18/02/2025, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt 15,62 triệu tỷ đồng, tăng 0,02% so với T12/24, tăng 16,35% so với cùng kỳ, trong khi cùng kỳ năm 2024 giảm 1,01% so với T12/23. NHNN cũng cho biết, giai đoạn đầu năm, do ảnh hưởng của quy luật mùa vụ và thời điểm Tết Nguyên đán, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống thường chậm lại, tuy nhiên số liệu tín dụng đầu năm 2025 đã có những dấu hiệu khởi sắc hơn so với cùng kỳ. Theo NHNN với mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm nay là 16%, tương đương nhu cầu thêm 2,5 triệu tỷ đồng cho vay ra nền kinh tế, ngành ngân hàng sẽ có nhiều giải pháp để đáp ứng nhu cầu vốn của các doanh nghiệp. Tuy nhiên vẫn phải đảm bảo tín dụng hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, vì vậy tín dụng sẽ tập trung vào lĩnh vực ưu tiên, đầu tư, sản xuất kinh doanh, xuất khẩu... Đặc biệt ngân hàng sẽ tập trung cho tín dụng tiêu dùng như mua nhà ở xã hội.

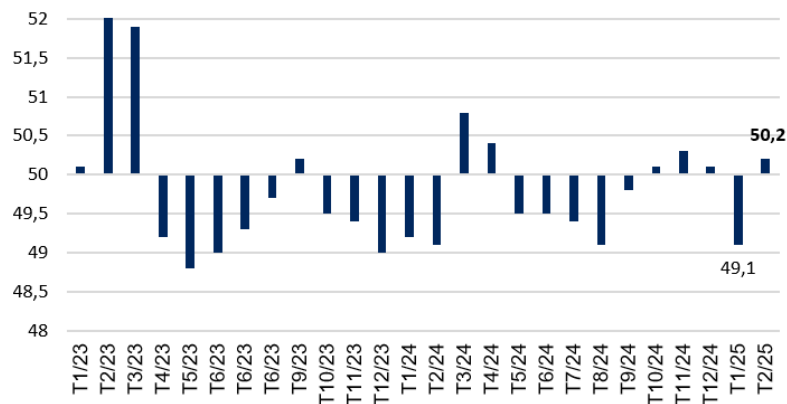
➤ Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam tính từ đầu năm 2025 đến ngày 15/02/2025 đạt 94,78 tỷ usd tăng 11,5% so với vsck. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 47,29 tỷ usd, tăng 6,2% svck. Kim ngạch nhập khẩu đạt 47,48 tỷ usd, tăng 17,3% svck. Cán cân thương mại từ đầu năm 2025 cho đến ngày 15/02/2025 thâm hụt gần 200 triệu usd. Như vậy chỉ sau 1 tháng sụt giảm trong T1/25 do ảnh hưởng của kỳ nghỉ tết Nguyên đán, hoạt động xuất nhập khẩu đã có sự tăng trưởng trở lại trong nửa đầu T2/25. Đồng thời với giá trị nhập khẩu trong những tháng đầu năm tăng mạnh hơn (do nhập nhiều tư liệu sản xuất hơn), do đó hoạt động xuất khẩu được kỳ vọng sẽ tăng mạnh hơn trong những tháng tới.

Thế Giới: PCE tháng 1 của Mỹ hạ nhiệt, Lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc tăng trưởng trở lại

PCE của Mỹ



PMI lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc



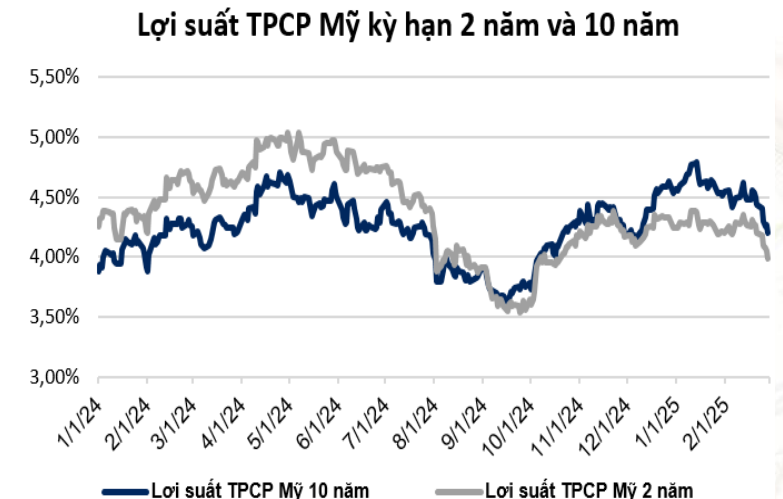
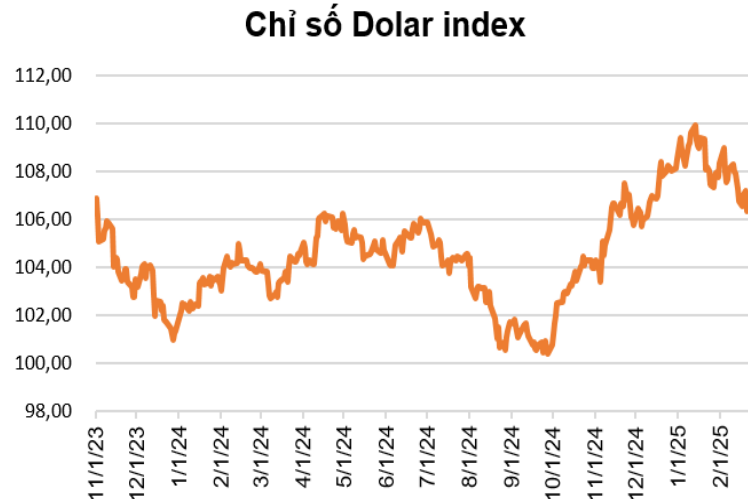
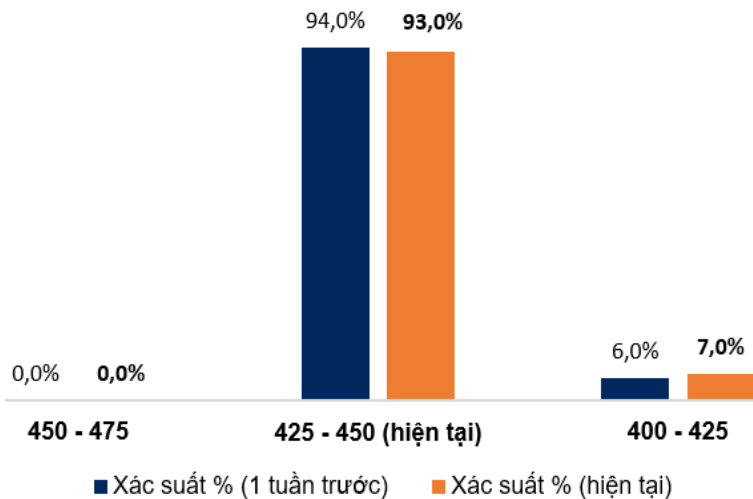
- Chỉ số PCE toàn phần và PCE lõi T1/25 của Mỹ tăng lần lượt 2,5% yoy và 2,6% yoy, khớp với dự báo và cùng hạ nhiệt so với T12/24.
- Theo cục thống kê Trung Quốc, lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc mở rộng trở lại trong T2/25 khi PMI sản xuất tăng lên mức 50,2 điểm.
- Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) của Mỹ hạ nhiệt trở lại trong T1/25. Trong đó PCE toàn phần tăng 0,3% mom và tăng 2,5% yoy, khớp với dự báo của các chuyên gia và hạ nhiệt so với mức tăng 2,6% yoy của T12/24. PCE lõi T1/25 tăng 0,3% mom và tăng 2,6% yoy, khớp với dự báo của các chuyên gia và hạ nhiệt so với mức tăng 2,9% yoy của T12/25. Thu nhập trung bình của người lao động Mỹ trong T1/25 tăng 0,9% mom, cao hơn mức dự báo tăng 0,4% mom trong khi chi tiêu trung bình giảm 0,2% mom, thấp hơn so với mức dự báo tăng 0,2% mom của các chuyên gia.
- Theo số liệu của cục thống kê Trung Quốc (TQ), chỉ số quản lý mua hàng (PMI) sản xuất T2/25 của TQ tăng lên mức 50,2 điểm từ mức 49,1 điểm của T1/25, đồng thời cao hơn mức dự báo đạt 49,9 điểm của các chuyên gia. Mức điểm tăng và cao hơn 50 điểm cho thấy hoạt động sản xuất của TQ đã có sự mở rộng trở lại trong T2/25. Cụ thể theo số liệu khảo sát, số lượng đơn hàng mới và khối lượng mua hàng cao hơn dẫn đến sự gia tăng vững chắc trong sản xuất. Kết quả này có thể giúp các quan chức TQ yên tâm rằng các biện pháp kích thích mới được triển khai vào cuối năm 2024 đang hỗ trợ phục hồi tốt cho nền kinh tế nước này. Tuy nhiên xu hướng này có thể duy trì hay không vẫn còn là một câu hỏi, trong bối cảnh cuộc chiến thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ đang tiếp tục leo thang sau quyết định tăng thuế từ 10% lên 20% đối với hàng hóa TQ của ông Trump.

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed sẽ giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp T3/2025

93% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành và 7% dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 3.2025.

DXY đóng cửa ở mức 107,56 điểm, tăng 0,86% wow và giảm 0,85% so với đầu năm 2025 (ytd).

Lãi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 3,99% giảm 21 bps wow và giảm 25 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 4,2% giảm 23 bps wow và giảm 36,6 bps ytd



Lãi suất TPCP Mỹ tiếp tục giảm mạnh trong tuần qua khi nhu cầu đầu tư vào TPCP Mỹ như một kênh đầu tư an toàn gia tăng trước lo ngại chính sách thuế quan của Tổng thống Donald Trump có thể làm tăng lạm phát và kìm hãm tăng trưởng kinh tế Mỹ (cuộc họp tháng 3/2025 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4, ngày 19/03/25 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 03/03/2025	Việt Nam	Chỉ số PMI sản xuất tháng 2.2025
Thứ Tư 05/03/2025	Mỹ	Số liệu thay đổi việc làm trong lĩnh vực phi nông nghiệp trong tháng 2.2025
Thứ Năm 06/03/2025	Việt Nam	Các số liệu vĩ mô tháng 3.2025
	EU	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 3.2025
Thứ Sáu 07/03/2025	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp trong tháng 2.2025
Thứ Bảy 08/03/2025	Mỹ	Chủ Tịch Fed Jerome Powell phát biểu

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế	- Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. - Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024	- Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. - Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. - Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. - Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

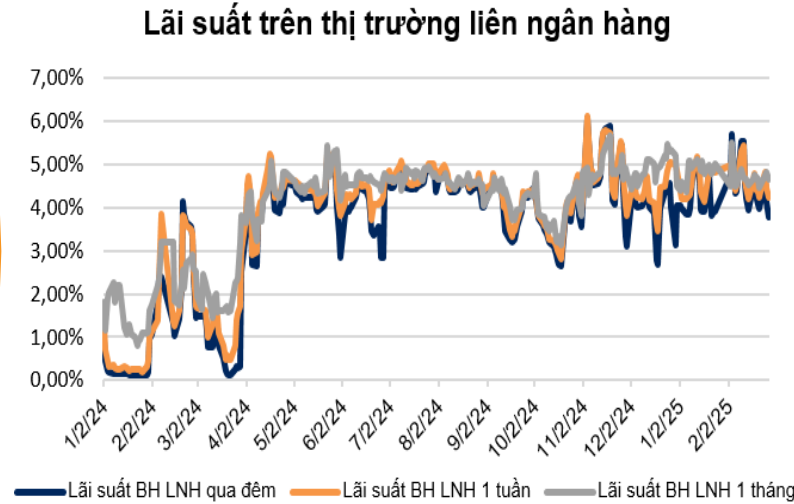
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		X			X			X	
Cổ phiếu			X			X			X
Trái phiếu chính phủ		X			X			X	
Bất động sản		X			X			X	
Vàng	X				X			X	
USD		X			X			X	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

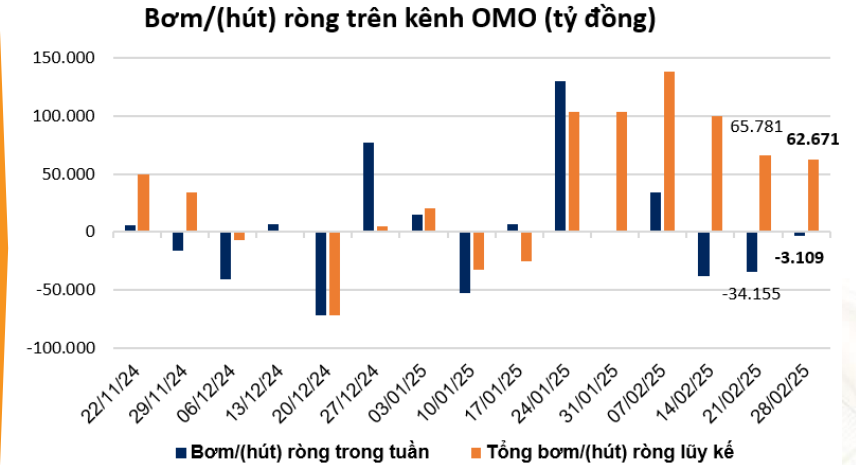


3.1 Thị trường tiền tệ VN: Tỷ giá USD-VND tiếp tục tăng

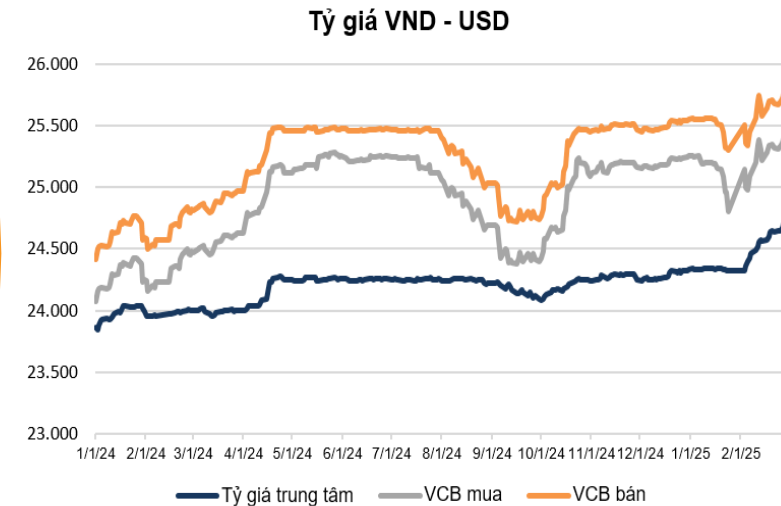
Lãi suất LNH giảm. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 3,79% (- 129 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 4,24% (- 13 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 4,67% (+ 2 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 27/02/2025)



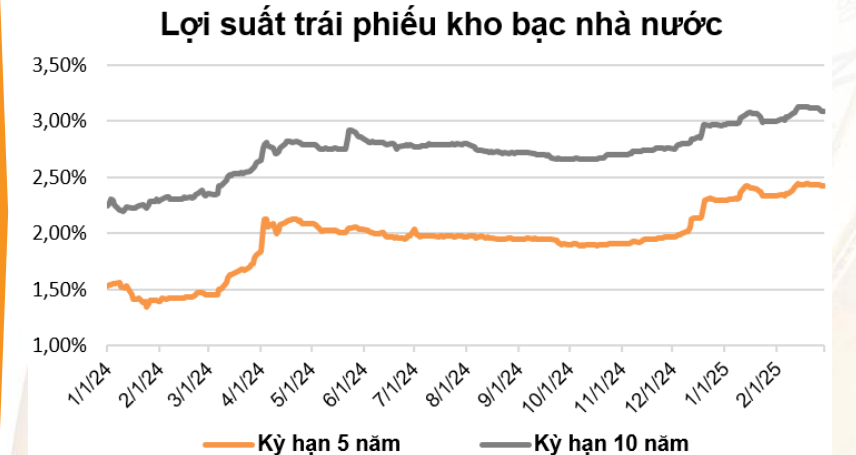
NHNN hút ròng nhẹ trên kênh OMO. Kết tuần NHNN hút ròng 3.109 tỷ đồng. Hiện tổng giá trị bơm ròng lũy kế là 62.671 tỷ đồng.



Tỷ giá USD-VND tiếp tục tăng. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 25.370 đ và 25.730 đ tăng 0,19% wow và tăng 0,7% tính từ đầu năm 2025 (theo giá bán) (ytd). Tỷ giá trung tâm hiện là 24.726 đ, tăng 0,36% wow và tăng 1,61% ytd

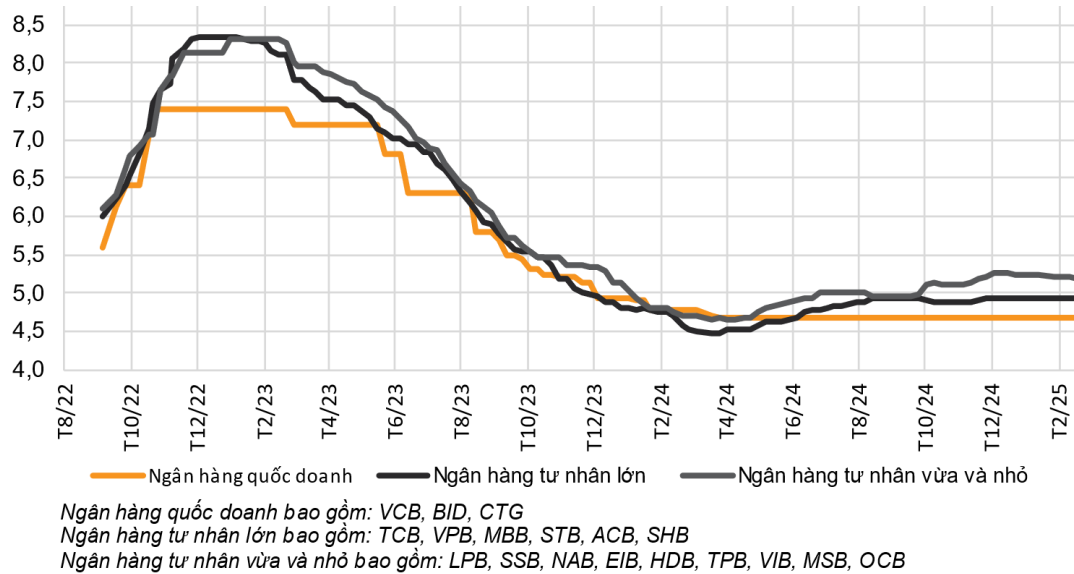


Lợi suất TP KBNN giảm nhẹ, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 3,09%, giảm 3 bps wow và tăng 12 bps kể từ đầu năm 2025 (ytd), lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 2,42% giảm 1 bps wow và tăng 13 bps ytd.

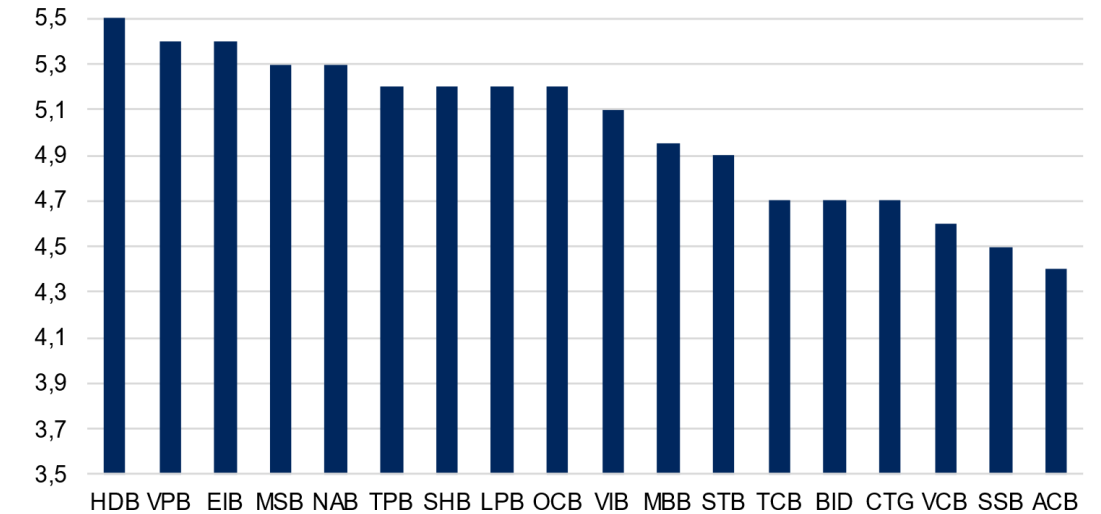


Lãi suất của các NHTM không đổi, ngoại trừ MSB hạ lãi suất tại các kỳ hạn dài

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng



Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

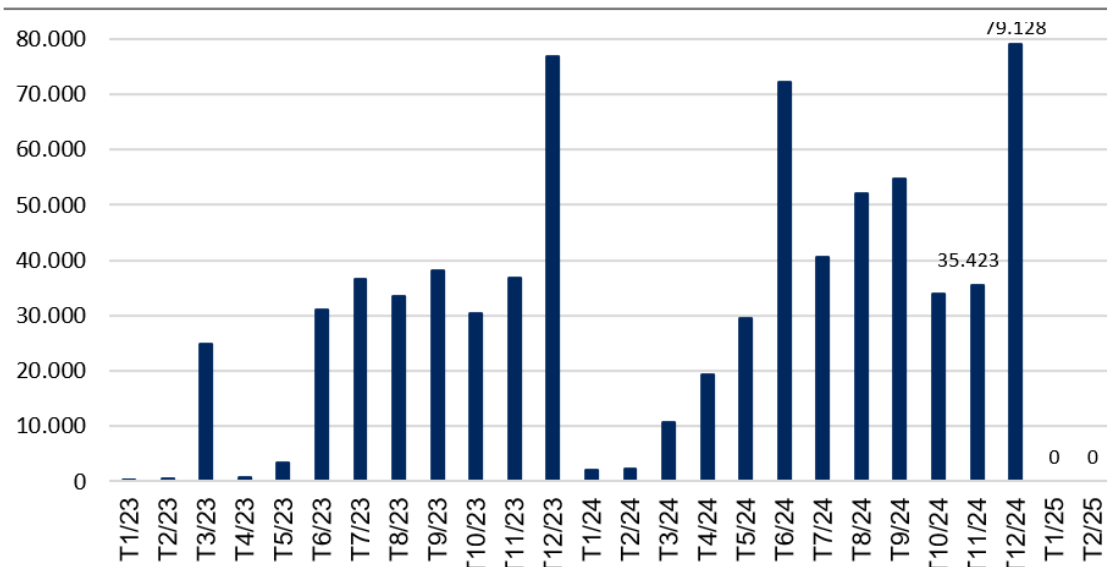


- Trong tuần từ 24/2-28/2/2025, bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NH quốc doanh và các NH tư nhân lớn giữ nguyên ở mức 4,67%/năm và 4,93%/năm. Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NH tư nhân vừa và nhỏ giảm 0,02 điểm cơ bản xuống mức 5,19%/năm. Trong số đó, MSB giảm 0,2 điểm % xuống mức lãi suất 5,3%/năm tại kỳ hạn này.
- Tại các kỳ hạn lãi suất khác, hầu hết các NH đều có xu hướng giữ nguyên các mức lãi suất, ngoại trừ MSB đã hạ 0,2 điểm % với lãi suất huy động tại các kỳ hạn từ 13 tháng đến 36 tháng

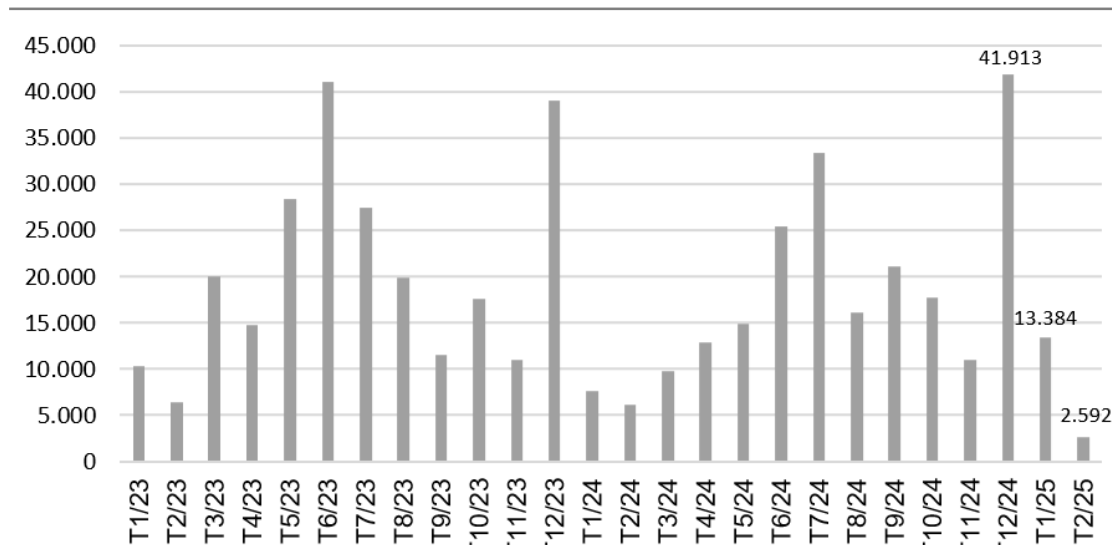
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) trầm lắng trong 2 tháng đầu năm 2025

Giá trị TPDN riêng lẻ phát hành theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 01/03/25



Tổng giá TPDN riêng lẻ mua lại trước hạn theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 01/03/25

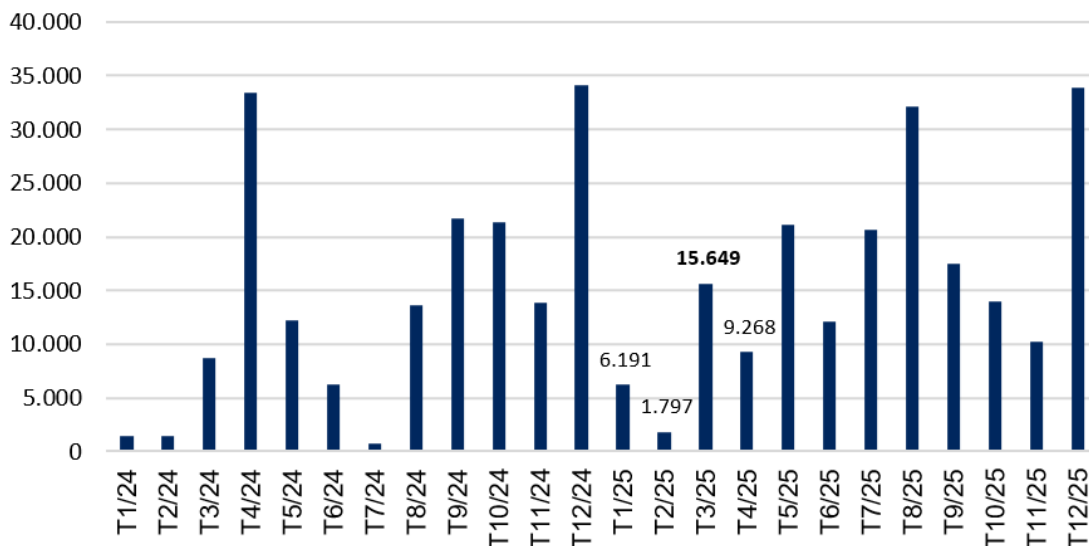


- Theo số liệu được công bố đến ngày 01/03/25, không có đợt phát hành TPDNRL nào trong 2 tháng đầu năm 2025, trong khi thời điểm cùng kỳ năm 2024 có 7 đợt phát hành TPDNRL với tổng giá trị phát hành là 4.315 tỷ đồng. Do đặc thù nhu cầu sử dụng vốn của các doanh nghiệp thời điểm đầu năm thường ở mức thấp nên hoạt động phát hành TPDN có xu hướng trầm lắng trong những tháng đầu năm.
- Tổng giá trị TPDNRL được mua trong 2 tháng đầu năm lại đạt gần 16 nghìn tỷ đồng, giảm mạnh so với T12/24, tuy nhiên vẫn cao hơn 16,2% svck. Đáng chú ý, Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova đã mua lại trước hạn hơn 5,1 nghìn tỷ đồng TPDNRL trong T1/25, đây là các TP được Tập đoàn này phát hành năm 2020 và đều đã được gia hạn thêm kỳ hạn thêm 2 năm, có thời gian đáo hạn là từ T6/25-T8/25.

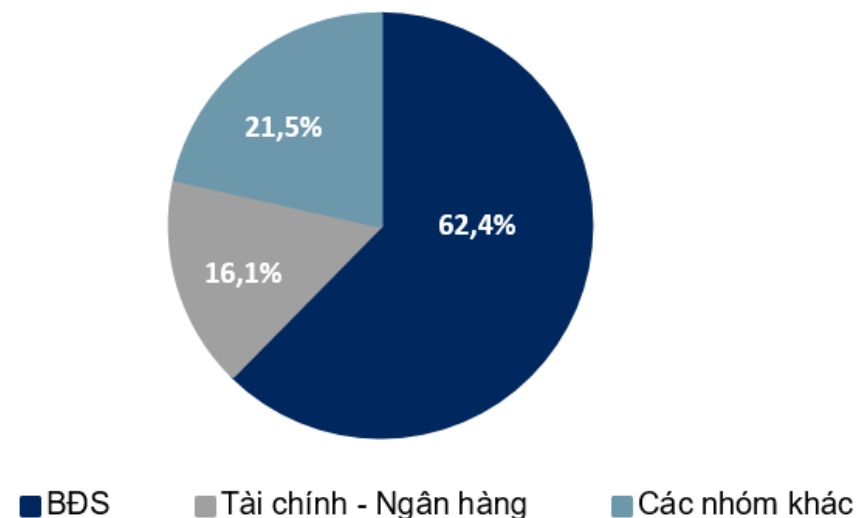
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Áp lực TPDN đáo hạn sẽ bắt đầu gia tăng trở lại trong tháng 3

Giá trị TPDN đáo hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn và các TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 01/03/25



Ước tính cơ cấu TPDN đáo hạn theo ngành năm 2025 (thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn đến ngày 01/03/2025)



- Theo số liệu của chúng tôi trong T1/25 sẽ có khoảng hơn 15,6 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, tăng đáng kể so với 2 tháng đầu năm.
- Tổng giá trị TPDNRL đáo hạn năm 2025 ước khoảng hơn 194 nghìn tỷ đồng (đã loại trừ số TP đã được mua lại trước hạn và số TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 01/03/25). Trong số nhóm BĐS là nhóm có giá trị đáo hạn lớn nhất với tổng giá trị đáo hạn là hơn 121 nghìn tỷ đồng, chiếm 62,4% tổng giá trị đáo hạn năm 2025. Đứng thứ 2 là nhóm Ngân hàng, với tổng giá trị đáo hạn là hơn 31 nghìn tỷ đồng, chiếm 16,1% tổng giá trị đáo hạn năm 2025.

3.3 Thị trường Bất động sản

Cần lập 'quỹ nhà ở quốc gia' để phát triển nhà giá rẻ

Tổng Bí thư nhắc tới việc lập "Quỹ nhà ở quốc gia" để phát triển nhà giá rẻ tại đô thị lớn, là giải pháp để thúc đẩy đô thị trở thành động lực tăng trưởng quốc gia:

Tổng Bí thư Tô Lâm nhắc đề cập giải pháp để thúc đẩy kinh tế là nhà điều hành cần có chính sách đất đai, bất động sản để giúp thị trường tăng giao dịch, thu hút vốn, thúc đẩy đô thị trở thành động lực tăng trưởng của quốc gia.

Đồng thời đề cập việc thành lập "Quỹ nhà ở quốc gia" nhằm phát triển nhà giá rẻ tại các đô thị lớn. Cùng với đó, nhà điều hành cần tính tới các giải pháp khác như hoàn thiện cơ sở hạ tầng chất lượng cao và đồng bộ cho đô thị, xây dựng hệ thống bản đồ số quốc gia về quy hoạch và giá đất.

Việt Nam đặt mục tiêu có 1 triệu căn nhà ở xã hội vào 2030. Từ 2021-2024, theo số liệu của Bộ Xây dựng, cả nước có 644 dự án nhà ở xã hội được triển khai với quy mô 580.109 căn. Trong đó, chỉ có 96 dự án được hoàn thành với quy mô hơn 57.620 căn. 133 dự án đã khởi công với trên 110.200 căn. Còn lại 415 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư sẽ cung cấp thêm hơn 412.200 căn nếu xây xong.

Năm trước, tại Chỉ thị 34 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới, Ban Bí thư chỉ thị nghiên cứu hình thành quỹ phát triển nhà ở xã hội hoặc mô hình định chế tài chính phù hợp để phát triển nhà ở xã hội dài hạn, bền vững.

3.4 Thị trường hàng hóa

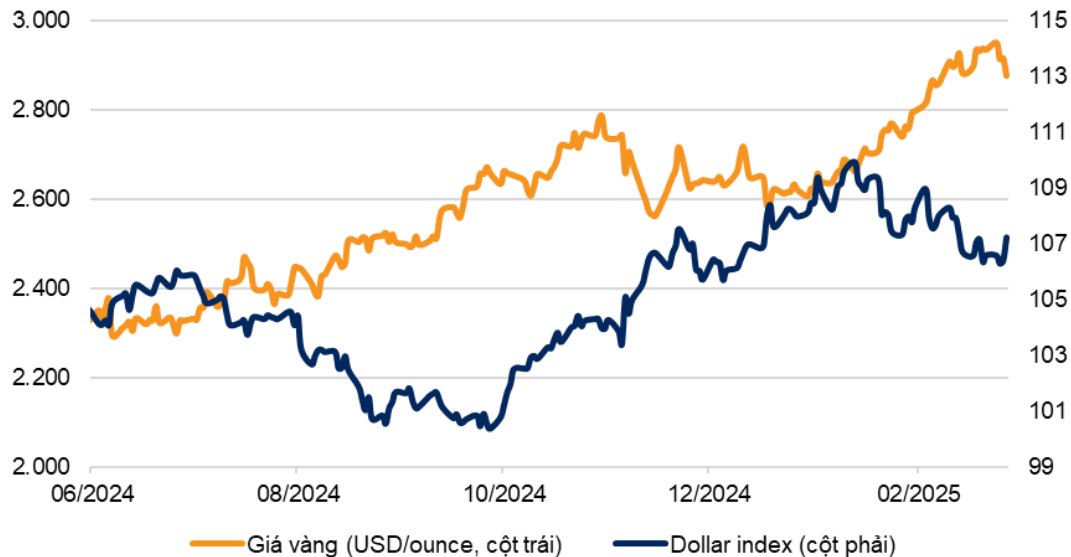
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 28/02/2025):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2025	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	-1,68%	-5,56%	-12,55%	-3,62%	
	Khí LNG	-1,32%	-8,14%	47,59%	-12,66%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	0,05%	-11,30%	-21,20%	-18,10%	
	Quặng sắt	-0,65%	5,32%	-14,36%	5,44%	
	Đồng	-1,00%	6,31%	17,95%	12,13%	
	Niken	-0,45%	0,13%	-12,20%	2,85%	
	PVC	-1,96%	0,14%	-12,60%	-0,33%	
	Cao su	-3,76%	-7,14%	21,37%	-4,24%	
	Gỗ	2,01%	10,92%	12,69%	17,48%	
Nông nghiệp	Urê	3,36%	5,12%	5,26%	8,40%	
	Lúa Mỹ	-8,98%	-1,51%	-5,95%	-1,60%	
	Gạo tằm 5%	-0,12%	-10,37%	-35,42%	-20,74%	
	Đường	-8,45%	1,46%	-18,74%	-1,12%	
	Thịt lợn	3,98%	12,30%	35,12%	12,80%	
Kim loại quý	Vàng thời	-2,66%	3,41%	40,46%	7,52%	

3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng điều chỉnh khi đồng USD mạnh lên trước lo ngại FED sẽ giảm số lần cắt giảm lãi suất

Tính đến ngày 28/02, giá vàng thế giới đạt 2.857 USD/oz, giảm 2,7% sv tuần trước và tăng 3,4% sv tháng trước



Giá vàng SJC đạt 88,5-90,5 triệu đồng/lượng ở hai chiều mua-bán, lần lượt giảm 1,0%/1,3% sv tuần trước

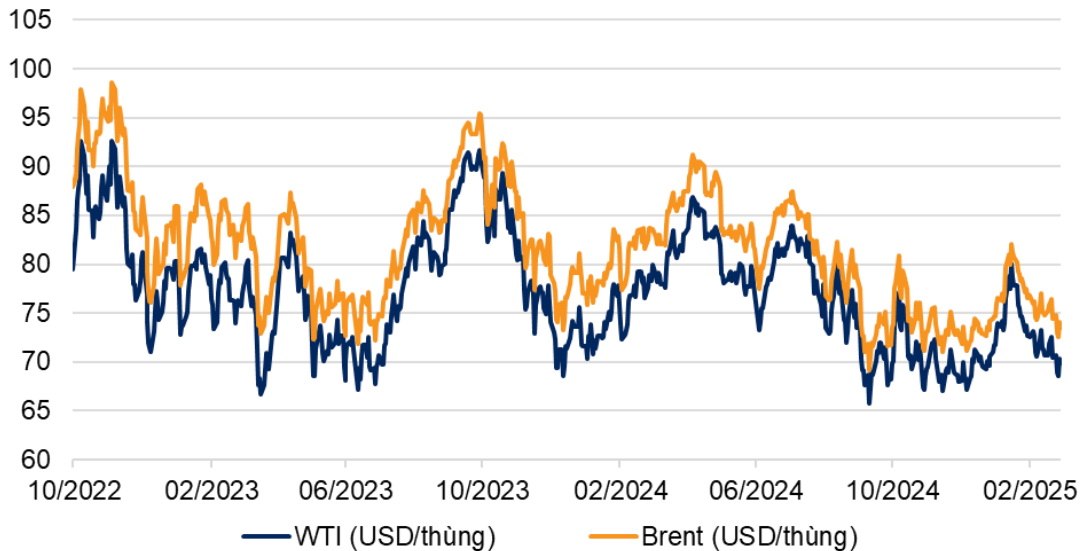


- Giá vàng thế giới quay đầu giảm sau khi thiết lập mức đỉnh lịch sử tại 2.952 USD/ounce vào Thứ Hai (24/02), do: (1) ảnh hưởng từ việc nhà đầu tư chốt lời; (2) đồng USD mạnh lên khi thị trường kỳ vọng FED sẽ chỉ cắt giảm lãi suất hai lần trong năm nay, vì lạm phát vẫn đang trên mức mục tiêu 2%. Mặt khác, Trump đã xác nhận rằng mức thuế 25% đối với hàng hóa của Mexico và Canada, cùng với mức thuế bổ sung 10% đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc, sẽ có hiệu lực vào ngày 04/03; và đe dọa sẽ áp đặt mức thuế 25% đối với hàng hóa của EU. Điều này gây lo ngại về việc làm chậm tăng trưởng kinh tế toàn cầu và thúc đẩy lạm phát, khiến nhu cầu mua vàng được duy trì và giá vàng tiếp tục neo ở mức cao.
- Trong nước, giá vàng miếng cũng giảm theo diễn biến của giá vàng thế giới. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 28/02 ở mức 2,6 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND = 25.530).

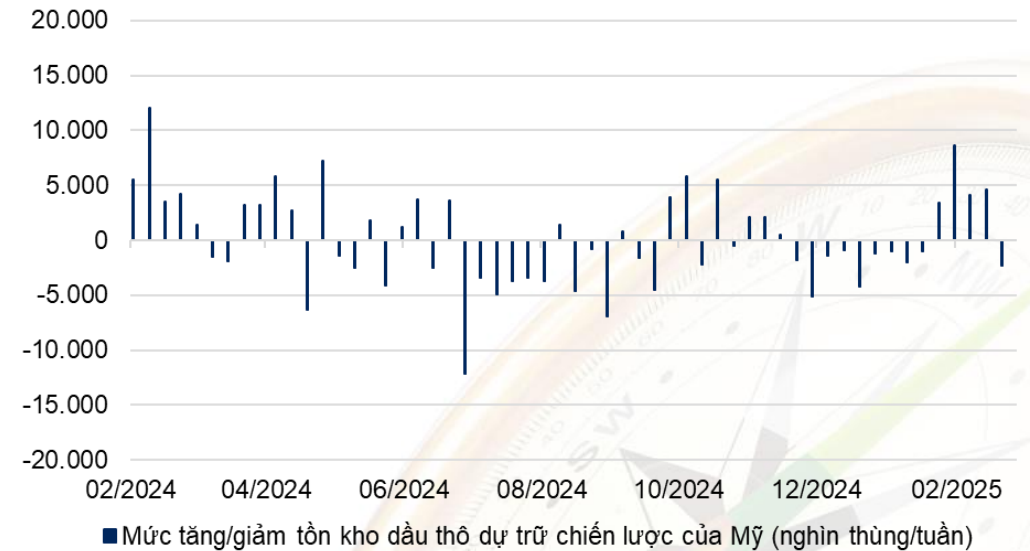
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô tiếp diễn xu hướng giảm trước các rủi ro đe dọa sức tiêu thụ

Ngày 28/02, giá dầu thô WTI và Brent lần lượt đạt 69,8 và 72,8 USD/thùng, giảm 0,9% và 2,2% sv tuần trước



Tồn kho dầu thô tại Mỹ giảm ròng ở mức 2,3 triệu thùng vào tuần kết thúc vào ngày 21/2



- Giá dầu thô đã giảm về mức thấp nhất kể từ tháng 12/2024, trong bối cảnh thị trường lo ngại về triển vọng tiêu thụ toàn cầu yếu. Thông báo của ông Trump về việc áp dụng mức thuế mới đối với hàng hóa của Mexico, Canada và Trung Quốc đã làm dấy lên lo ngại về ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu, cụ thể là nền kinh tế yếu đi sẽ đi kèm với việc tiêu thụ năng lượng yếu hơn. Bên cạnh đó, Iraq có kế hoạch khởi động lại hoạt động xuất khẩu dầu từ Kurdistan, nhưng các công ty quốc tế lại do dự do các thỏa thuận thanh toán chưa được giải quyết.
- Tại Mỹ, nền kinh tế tiêu thụ dầu nhiều thứ hai thế giới, tồn kho dầu thô chuyển sang trạng thái giảm ròng hơn 2,3 triệu thùng vào tuần kết thúc ngày 21/2, còn 43,2 triệu thùng, thấp hơn khoảng 4% so với mức trung bình năm năm. Sự sụt giảm dự trữ dầu thô chủ yếu xảy ra do hoạt động lọc dầu tăng lên, khi các nhà máy nâng công suất sau giai đoạn bị ảnh hưởng bởi bảo trì và xu hướng giảm công suất trong ngành.

Nguồn: Bloomberg, EIA, Vndirect Research

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2025	1 năm
Dow Jones	Mỹ	0,95%	-1,58%	3,05%	12,16%
S&P 500	Mỹ	-0,98%	-1,42%	1,24%	15,91%
Nasdaq	Mỹ	-3,47%	-3,97%	-2,40%	15,81%
Euro Stoxx 50	EU	-0,15%	3,40%	11,66%	11,68%
FTSE 100	Anh	1,74%	1,57%	7,79%	14,67%
Nikkei 225	Nhật Bản	-4,19%	-6,12%	-6,87%	-6,91%
Shanghai	Trung Quốc	-1,72%	2,16%	-0,92%	9,71%
Hang Seng	Trung Quốc	-2,29%	13,43%	14,36%	38,29%
Taiwan Weighted	Đài Loan	-2,85%	-2,01%	0,08%	21,74%
SET	Thái Lan	-3,41%	-8,43%	-14,03%	-11,97%
KOSPI	Hàn Quốc	-4,59%	0,61%	5,55%	-4,15%
Malaysia Top 100	Malaysia	-1,95%	-0,69%	-6,27%	3,81%
STI Index	Singapore	-0,87%	1,03%	2,85%	24,23%
IDX Composite	Indonesia	-7,83%	-11,80%	-11,43%	-14,24%
PHS All Shares	Philippine	-1,97%	1,93%	-4,28%	-0,58%
VN-Index	Việt Nam	0,66%	3,19%	3,05%	3,74%

Thị trường chứng khoán Mỹ trải qua 1 tuần giao dịch nhiều biến động khi thị trường giảm điểm trong những phiên giao dịch đầu tuần trước các thông tin thuế quan mới của tổng thống Trump. Tuy nhiên số liệu PCE tháng 1 được công bố khỏp với kỳ vọng và có dấu hiệu hạ nhiệt đã giúp thị trường có 1 phiên phục hồi khá mạnh vào cuối tuần. Kết tuần chỉ số Dow Jones tăng 0,95%, trong khi Nasdaq giảm 3,47% và S&P 500 giảm 0,98%.

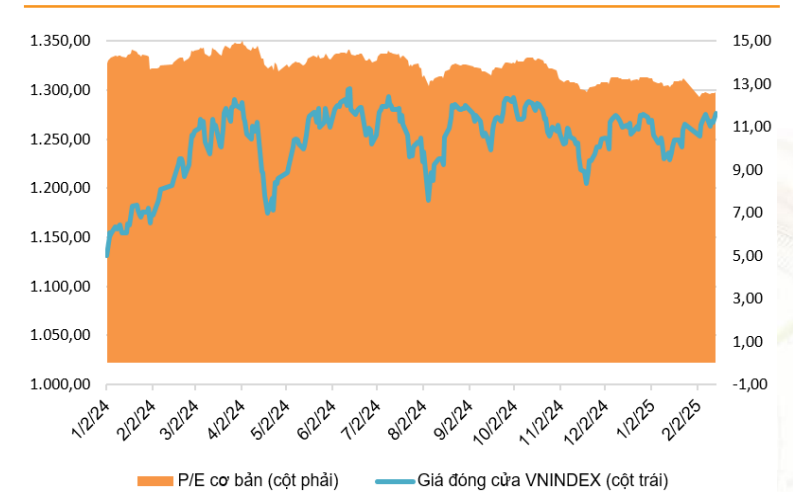
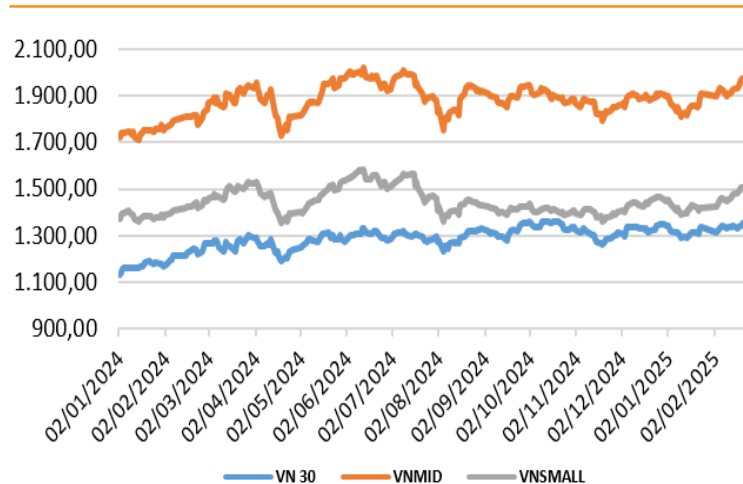
Nhiều thị trường chứng khoán Châu Á cũng ghi nhận 1 tuần điều chỉnh mạnh khi lo ngại cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và nhiều quốc gia sẽ tiếp tục leo thang sau những quyết định thuế quan mới của Mỹ, trong đó thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc ghi nhận mức giảm trên 4%, thị trường Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan...ghi nhận mức giảm trên 2%.

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường duy trì đà tăng với thanh khoản tiếp tục gia tăng

VN-Index duy trì đà tăng, kết tuần tại mức 1.305,36 điểm, tăng 0,66% sv tuần trước

Các chỉ số VN30/VNMID/VNSML đều tăng với mức tăng lần lượt là 0,2%/1,36%/1,05%

P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 12,9x.



- Với 2 phiên tăng điểm và 3 phiên điều chỉnh nhẹ, VN-Index duy trì tuần tăng điểm thứ 6 liên tiếp. Kết tuần VN-index tăng 8,61 điểm (+0,66%) lên 1.305,36 điểm. Thanh khoản giao dịch tiếp tục cải thiện, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 735,9 triệu cp/phần, tăng 13,1% so với tuần trước và cao hơn 42,9% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại gia tăng bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là 2.529 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán chuyển sang bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là 734 tỷ đồng.
- Các mã HPG và GVR là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 2,38 điểm và 0,96 điểm. Ở chiều ngược lại TCB và FPT là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo chỉ số giảm lần lượt 0,68 điểm và 0,6 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

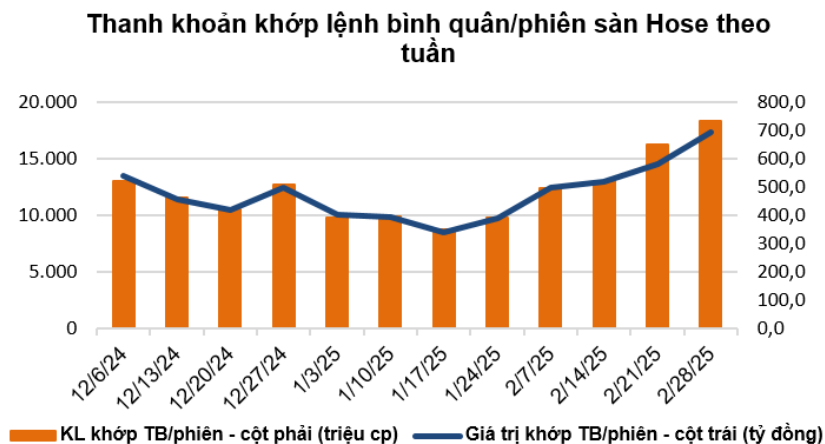
Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	Từ đầu năm 2024 (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	0,5%	-2,0%	-1,7%	29,8	3,06	-4,9%
Bảo hiểm	0,0%	0,0%	0,0%	16,1	1,64	0,0%
Bất động sản	1,8%	5,7%	4,4%	15,8	1,23	-0,6%
Công nghệ TT	-1,1%	-3,4%	-7,2%	26,1	5,15	20,1%
Dầu khí	1,5%	4,5%	6,8%	26,8	1,37	10,5%
Dịch vụ tài chính	3,4%	7,3%	6,9%	18,6	1,48	18,1%
Hóa chất	1,9%	9,2%	7,6%	21,2	2,02	-11,7%
Ngân hàng	-0,2%	3,4%	5,3%	9,8	1,54	4,7%
Tài nguyên cơ bản	2,0%	14,8%	21,0%	22,6	1,60	73,9%
Thực phẩm & Đồ uống	0,3%	1,2%	-3,7%	18,75	2,91	12,5%
Viễn thông	-1,9%	-7,4%	-8,4%	34,9	6,45	45,5%
Xây dựng & Vật liệu	0,6%	5,7%	7,7%	20,4	1,53	-5,5%
VN-Index	0,66%	3,22%	3,05%	12,93	1,68	13,1%

Thị trường duy trì đà tăng với thanh khoản tiếp tục gia tăng ở nhiều nhóm ngành.

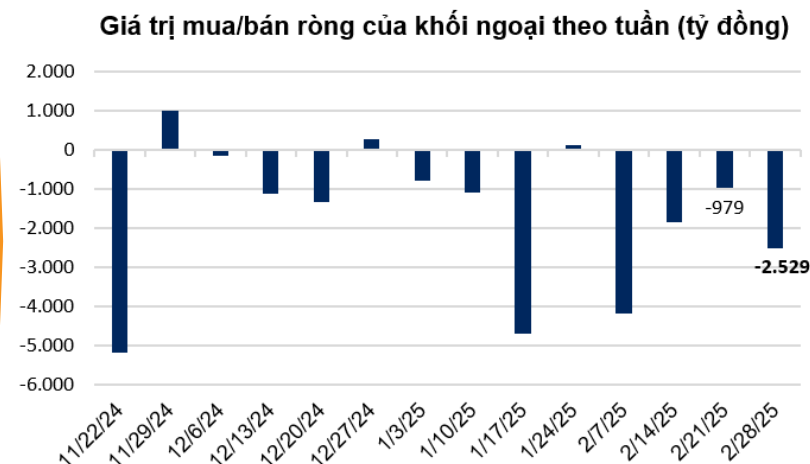
Nhóm Dịch vụ tài chính duy trì đà tăng và tiếp tục dẫn dắt thị trường trong tuần qua trước kỳ vọng VN-Index đã vượt qua được ngưỡng cản mạnh 1.300 điểm để bước vào 1 chu kỳ tăng dài hạn từ đó mở ra triển vọng kinh doanh tươi sáng cho các công ty chứng khoán, nhiều mã tăng mạnh với thanh khoản đột biến như BSI (+16%), FTS (+13,1%), CTS (+9,1%), AGR (+5,5%), HCM (+4,2%)... Nhóm cổ phiếu ngành thép cũng có diễn biến tích cực trước thông tin hỗ trợ “Bộ Công Thương đã ra quyết định áp thuế chống bán phá giá đối với thép cán nóng nhập khẩu từ Trung Quốc”, trong đó HPG (+5,8%), HSG (+8,5%), NKG (+13,1%)...

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản tiếp tục gia tăng và khối ngoại duy trì bán ròng

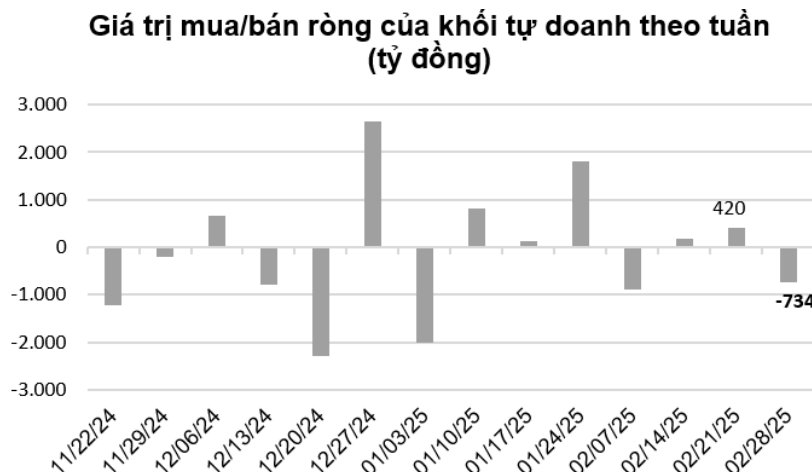
Thanh khoản tiếp tục gia tăng, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 735,9 triệu cp/phần, tăng 13,1% sv tuần trước và cao hơn 42,9% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



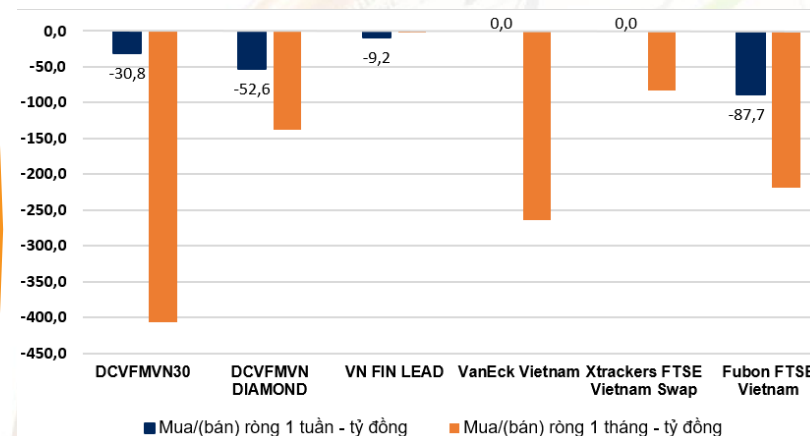
Khối ngoại duy trì bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối ngoại là 2.529 tỷ đồng.



Khối tự doanh chuyển sang bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua là 734 tỷ đồng

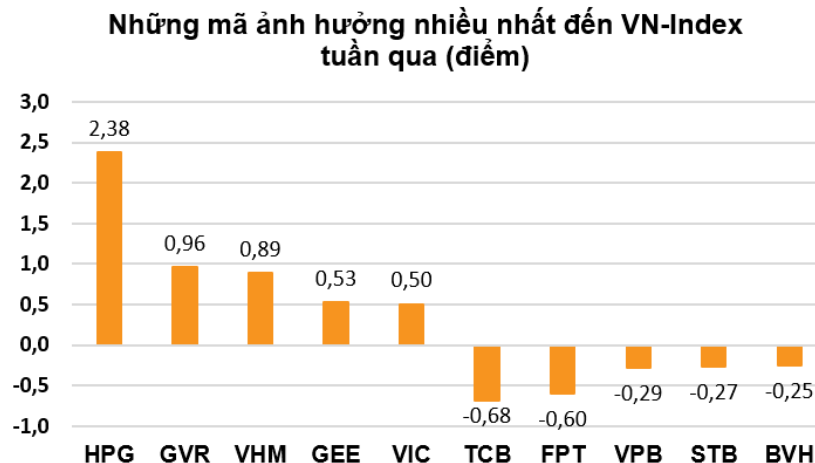


Một số quỹ ETF thực hiện bán ròng nhẹ trong tuần qua. Trong đó quỹ Fubon FTSE bán ròng nhiều nhất với giá trị bán ròng là 87,7 tỷ đồng.

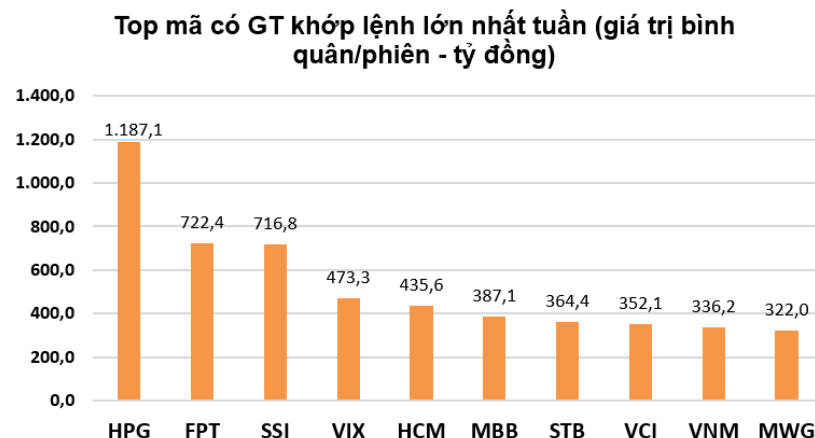


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản tiếp tục gia tăng và khối ngoại duy trì bán ròng

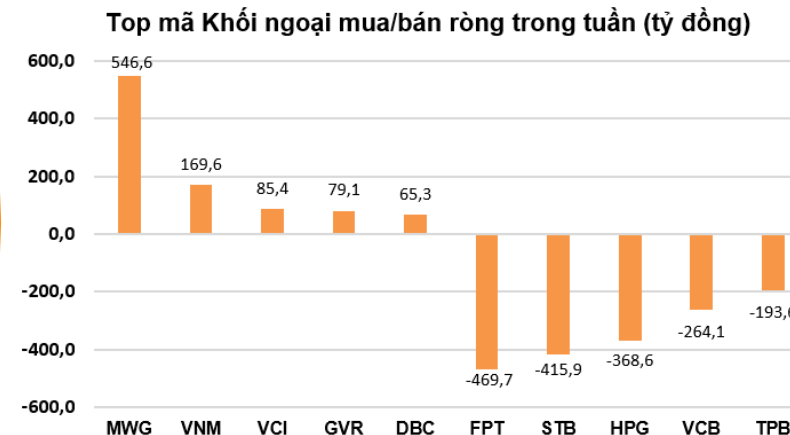
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex - điểm)



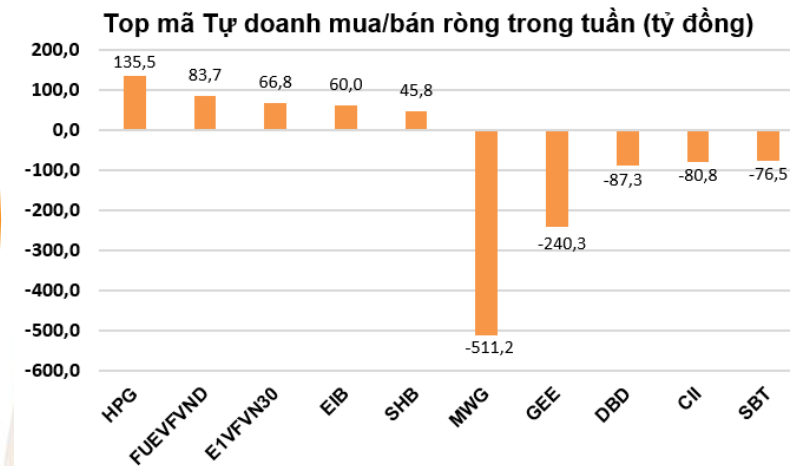
HPG là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp lệnh trung bình là hơn 1.187 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã FPT và SSI với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là hơn 722 tỷ đồng và hơn 716 tỷ đồng



Trong tuần từ 24/02-28/02/2025 MWG là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị hơn 546 tỷ đồng. Trong khi FPT là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 469 tỷ đồng.



Trong tuần từ 24/02-28/02/2025 HPG là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng hơn 135 tỷ đồng, trong khi MWG là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là hơn 511 tỷ đồng.



Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	VCB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,2%	6,6%	111.800	19,8%
2	MBB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,4%	15,1%	24.696	7,4%
3	HDB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,0%	9,0%	34.900	51,4%
4	MWG	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,3%	-10,1%	72.100	23,7%
5	FPT	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,2%	-3,3%	196.600	40,1%
6	ACV	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,7%	-11,9%	133.500	25,3%
7	BCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	1,1%	5,1%	82.800	9,4%
8	IDC	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	2,1%	7,3%	62.700	9,6%
9	HAH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,0%	7,5%	55.900	5,1%
10	GMD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-2,1%	1,2%	73.700	21,4%
11	KDH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,4%	-1,9%	41.300	23,3%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
12	BMP	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,8%	-3,6%	150.000	25,5%
13	PVD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	2,7%	10,5%	30.900	24,8%
14	PLX	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,8%	9,6%	46.100	5,9%
15	POW	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,8%	5,2%	14.900	21,6%
16	PC1	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	1,1%	10,9%	30.700	27,9%
17	DCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,5%	5,2%	42.700	20,8%
18	HPG	08/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	5,9%	10,8%	41.000	46,4%
19	VIB	05/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	0,7%	14,5%	21.200	2,2%
20	KBC	05/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	0,8%	0,7%	40.000	34,7%
21	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	1,3%	-5,2%	82.600	32,8%
22	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	0,2%	7,4%	65.100	29,1%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
23	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	8,5%	-4,7%	34.000	78,5%
24	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	2,2%	4,9%	66.400	61,2%
25	PNJ	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-0,3%	-3,8%	114.400	21,7%
26	VPB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-0,8%	1,5%	23.700	22,8%
27	SCS	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	0,0%	-14,6%	95.100	26,3%
28	HDG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	1,6%	-10,4%	35.700	26,8%
29	NLG	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	5,5%	-17,4%	45.800	32,0%
30	STB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	-1,5%	9,8%	41.500	8,5%
31	TPB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	-1,8%	0,9%	21.000	25,7%
32	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	-2,3%	-1,1%	19.500	54,2%

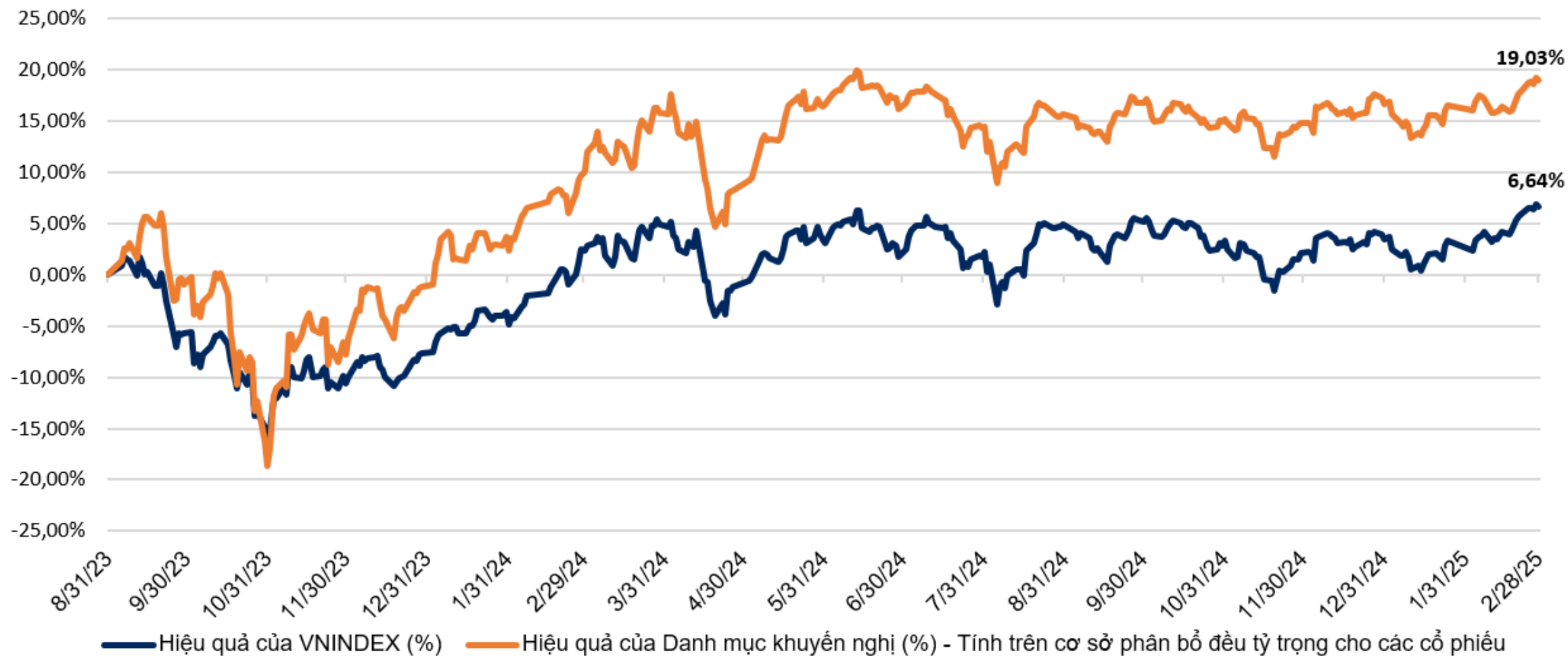
Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
2	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
3	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
4	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
5	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
6	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
7	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
8	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
9	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
10	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
11	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024
12	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
13	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024
14	PLX	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Nhu cầu xăng dầu trong nước vẫn mạnh mẽ	47.100	15/07/2024
15	HAH	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Hoạt động thương mại phục hồi	48.000	14/11/2024
16	BAF	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	26.800	18/12/2024
17	CTD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		78.900	05/02/2025
18	CTG	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24		39.900	07/02/2025
19	PHR	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24		61.200	20/02/2025
20	BAF	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		32.000	24/02/2025

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH
Email: research@vndirect.com.vn

